

Công ty Cổ phần Vincom
[nay là Tập đoàn Vingroup - Công ty CP]
191 phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I của năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2012	Năm 2011	Quý I '2012	Quý I '2011
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,882,776,152,019	473,421,909,058	1,882,776,152,019	473,421,909,058
Các khoản giảm trừ	02	VI.1	68,736,100		68,736,100	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,882,707,415,919	473,421,909,058	1,882,707,415,919	473,421,909,058
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	433,703,233,922	194,273,130,759	433,703,233,922	194,273,130,759
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,449,004,181,997	279,148,778,300	1,449,004,181,997	279,148,778,300
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	170,813,441,153	231,125,527,961	170,813,441,153	231,125,527,961
Chi phí tài chính	22	VI.4	341,685,290,280	285,581,367,179	341,685,290,280	285,581,367,179
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		310,783,799,791	196,755,881,768	310,783,799,791	196,755,881,768
Chi phí bán hàng	24	VI.5	44,982,393,231	18,103,966,833	44,982,393,231	18,103,966,833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	200,129,297,935	47,343,763,124	200,129,297,935	47,343,763,124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,033,020,641,704	159,245,209,123	1,033,020,641,704	159,245,209,123
Thu nhập khác	31	VI.6	9,673,057,767	45,034,634,983	9,673,057,767	45,034,634,983
Chi phí khác	32	VI.7	45,516,588,860	59,484,089,083	45,516,588,860	59,484,089,083
Lợi nhuận khác	40		(35,843,531,093)	(14,449,454,100)	(35,843,531,093)	(14,449,454,100)
Lợi nhuận trong các cty liên kết	45		(3,970,290,299)	60,234,327,538	(3,970,290,299)	60,234,327,538
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			205,030,082,562	993,206,820,312	205,030,082,562
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	321,064,919,747	49,595,887,288	321,064,919,747	49,595,887,288
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.8	(3,677,058,750)		(3,677,058,750)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		675,818,959,315	153,378,167,291	675,818,959,315	153,378,167,291
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(36,579,743,234)	48,071,974,253	(36,579,743,234)	48,071,974,253
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông c.ty mẹ	62		712,398,702,549	105,306,193,038	712,398,702,549	105,306,193,038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,469		1,469	290

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hiền

